

(10) DAF
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
TƯ VẤN LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Số: 166/2015/HĐ-TV....

DỰ ÁN KHU DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG VÀ BIỆT THỰ SINH THÁI CAO
CẤP GHỀNH ĐA – MŨI NGHÊ

Địa điểm đầu tư dự án:

BÁN ĐẢO SƠN TRÀ, PHƯỜNG THỌ QUANG, QUẬN SƠN TRÀ, TP.ĐÀ NẴNG

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và ban hành ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của Các Bên,

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2015, tại Công ty Cổ phần tập đoàn Mặt trời, các bên gồm:

I. Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MẶT TRỜI

Trụ sở: Tầng 9, Tòa nhà Đà Nẵng ACB Tower, 218 Bạch Đằng, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Đại diện: Ông Dương Thế Bằng Chức vụ: Giám đốc điều hành

Theo Giấy ủy quyền số: 23/14/UQ/SHD ngày 25/06/2014 của Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật ký.

Điện thoại: 0511 3819181

Fax: 0511 3819182

Tài khoản: 190.244.1250.3012

Tại: Techcombank – Chi nhánh Đà Nẵng.

Mã số thuế: 0305016195

Và:

II. BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG ĐỊA CHẤT

Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất được thành lập ngày 11/4/1990 theo quyết định số 25/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Đại học THCN và Dạy nghề (nay là Bộ GD&ĐT).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KHCN của Trung tâm số 039 do Bộ trưởng Bộ KHCN&MT (nay là Bộ KH&CN) cấp ngày 25/3/1993.

Đại diện: **PGS.TS. Đỗ Văn Bình**

Chức vụ: Phó Giám đốc

GUQ số:

Địa chỉ: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 38389002

Tài khoản số: 102010000016311 tại Ngân hàng Công thương Hai Bà Trung, thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100525561

Bên A và Bên B sau đây gọi riêng là “Bên” và gọi chung là Hai Bên/Các Bên”. Hai Bên thống nhất ký kết hợp đồng tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự sinh thái cao cấp Ghềnh Đa – Mũi Nghê với những điều khoản sau:

Điều 1. Hồ sơ của hợp đồng.

Hồ sơ hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, điều khoản của Hợp đồng này, các tài liệu khác (các tài liệu – Phụ lục bổ sung (nếu có) trong quá trình thực hiện Hợp đồng).

Điều 2. Luật và ngôn ngữ sử dụng.

2.1. Luật áp dụng: Hợp đồng chịu sự điều chỉnh của hệ thống Luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

2.2. Ngôn ngữ sử dụng: Ngôn ngữ sử dụng của Hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 3. Loại tiền thanh toán.

3.1. Loại tiền thanh toán: Thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

3.2. Phương thức thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B như thông tin phần đầu của Hợp đồng.

Điều 4. Nội dung và phạm vi công việc.

1.1. Bên A giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện toàn bộ việc tư vấn và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM) cho Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự sinh thái cao cấp Ghềnh Đa – Mũi Nghê do Bên A là chủ đầu tư. Chi tiết nội dung và phạm vi Công việc thực hiện quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này.

1.2. Bên B phải thực hiện toàn bộ Công việc theo Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn từ khi tư vấn, lập Báo cáo ĐTM cho đến khi có quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ khác quy định trong Hợp đồng.

Điều 5. Yêu cầu chất lượng và sản phẩm của hợp đồng.

5.1. Các yêu cầu sản phẩm:

- Báo cáo ĐTM phải đáp ứng được các quy định của pháp luật, yêu cầu của Bên A

và Hợp đồng này.

- Báo cáo ĐTM phải được hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nghiệm thu và cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt Báo cáo.

5.2. Số lượng hồ sơ tài liệu bàn giao cho Bên A gồm: 07 bộ hồ sơ nộp hội đồng thẩm định theo quy định; 02 hồ sơ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và bản gốc Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Giá hợp đồng.

6.1. Giá hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng: **250.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn)
- Giá trị hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo một trong các trường hợp được quy định tại Điều 8.

6.2. Nội dung của Giá hợp đồng:

Giá Hợp đồng đã bao gồm:

- Chi phí nhân công cho chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành;
- Chi phí thẩm duyệt, chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh hồ sơ sau các cuộc họp, báo cáo và sau khi có kết quả thẩm định, xét duyệt;
- Các chi phí khác phát sinh (nếu có) để Bên B thực hiện toàn bộ Công việc theo hợp đồng.

Điều 7. Tiến độ thanh toán.

- Lần 1: Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Hai Bên ký kết hợp đồng, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng.
- Lần 2: Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên B hoàn thành Báo cáo ĐTM và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và cung cấp cho Bên A biên nhận đã nộp hồ sơ, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 30% giá trị của hợp đồng.
- Lần 3: Sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ Công việc theo hợp đồng, Báo cáo ĐTM được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt, đáp ứng được các quy định của Pháp luật, Bên B đã bàn giao cho Bên A các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng trên cơ sở có đủ hồ sơ thanh toán bao gồm: Hóa đơn tài chính cho toàn bộ giá trị hợp đồng, Giấy đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu xác nhận công việc hoàn thành.

Điều 8. Điều chỉnh giá hợp đồng.

8.1. Giá hợp đồng trên có thể được điều chỉnh do một trong các trường hợp như sau:

- Bổ sung, điều chỉnh khối lượng thực hiện so với hợp đồng;
- Thay đổi vị trí xây dựng công trình;
- Nhà nước thay đổi chính sách.

8.2. Chi phí những khối lượng công việc phát sinh, bổ sung sẽ được thỏa thuận dựa trên các thỏa thuận tại Hợp đồng này và phải được thống nhất bằng văn bản trước khi thực hiện.

Điều 9. Tiến độ thực hiện.

9.1. Thời gian bắt đầu: ngay sau khi Hợp đồng được ký kết.

9.2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 40 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng được ký kết (trong đó hoàn thành báo cáo và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định: 21 ngày làm việc, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo 19 ngày làm việc). Bên B phải cung cấp cho Bên A bản giao nhận nộp Hồ sơ Báo cáo ĐTM cho BTNMT để chứng minh việc hoàn thành nộp hồ sơ xin thẩm định.

Thời gian trên không bao gồm thời gian chờ tổ chức các cuộc họp, thông qua phương án thiết kế, bảo vệ, thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng khác.

Điều 10. Trách nhiệm của Bên B.

10.1. Bên B đảm bảo rằng Bên B có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để ký kết và thực hiện các công việc quy định tại Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đáp ứng các yêu cầu về các giấy phép (nếu có) và các giấy phép này phải đang còn hiệu lực, có cơ sở vật chất-kỹ thuật, thiết bị chuyên dụng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật

10.2. Đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định Hợp đồng;

10.3. Số lượng, chất lượng sản phẩm tư vấn hoàn thành bàn giao theo Hợp đồng này phải đảm bảo tuân thủ các quy định, quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng, định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành của Nhà nước;

10.4. Công tác lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải do các kỹ sư và các nhà chuyên môn có đủ điều kiện năng lực, trình độ chuyên môn, có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật thực hiện;

10.5. Bên B sẽ phải tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, ngoại trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với pháp luật hoặc không thể thực hiện được;

10.6. Chịu trách nhiệm xử lý các sai sót và bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng khi có yêu cầu của Bên A hoặc của các cơ quan chức năng trong quá trình thẩm tra, thẩm định. Trong trường hợp được cơ quan chức năng yêu cầu giải trình về các nội dung các công việc liên quan đến Báo cáo ĐTM và các công việc mà Bên B thực hiện theo quy định của Hợp Đồng này, Bên B phải cử người có năng lực phối hợp với Bên A đưa ra các giải trình với cơ quan chức năng cho đến khi việc giải trình, bổ sung, điều chỉnh được thực hiện xong, đáp ứng các yêu cầu của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật

10.7. Chịu trách nhiệm về an toàn trong quá trình thực hiện, khi thực hiện trong khu vực dự án phải tuân theo sự chỉ dẫn của cán bộ kỹ thuật bên A.

10.8. Không được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà không được sự đồng ý trước của Bên A bằng văn

bản.

10.9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và pháp luật có liên quan.

Điều 11. Trách nhiệm của Bên A.

11.1. Ngay sau khi Hợp đồng được ký kết, Bên A sẽ cung cấp cho Bên B đầy đủ các số liệu điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội khu vực xây dựng công trình, tài liệu liên quan về quy hoạch xây dựng công trình (nếu có), hồ sơ dự án được duyệt... và các văn bản pháp lý khác có liên quan đến những nội dung công việc phải thực hiện như đã nêu tại Điều 4 của Hợp đồng này;

11.2. Tổ chức nghiệm thu và xác nhận sản phẩm tư vấn thực hiện hoàn thành Hợp đồng theo thực tế;

11.3. Tạm ứng và thanh toán cho Bên B toàn bộ Giá hợp đồng theo đúng các quy định được thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 12. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng.

12.1. Tạm ngừng hợp đồng

Hợp đồng có thể bị tạm ngừng trong các trường hợp sau:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng;
- Do thỏa thuận của Hai Bên.

Một bên có quyền quyết định tạm ngừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết; trường hợp bên tạm ngừng không thông báo mà tạm ngừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm ngừng hợp đồng sẽ được hai bên thỏa thuận để khắc phục.

12.2. Chấm dứt hợp đồng:

12.2.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A.

Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B:

- (a) Không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục thực hiện công việc theo Hợp đồng này,
- (b) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A.
- (c) Vi phạm nghĩa vụ khác theo hợp đồng.
- (d) Do các trường hợp bất khả kháng mà không thể khắc phục được.

Nếu có một trong những trường hợp nào được nêu trên, Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên B tối thiểu là 07 ngày tính đến ngày dự định chấm dứt.

Ngoài những trường hợp nêu trên, tùy vào quyết định và tình hình dự án của mình, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bên B với điều kiện thông báo bằng văn bản

trước cho Bên B tối thiểu là 07 ngày tính đến ngày dự định chấm dứt. Trong trường hợp này, các Bên sẽ thỏa thuận về việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ tương ứng khi chấm dứt hợp đồng.

12.2.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B.

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp quy định dưới đây:

(a) Quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Bên A chưa thực hiện thanh toán cho Bên B;

(b) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc theo yêu cầu của Hợp đồng.

12.3. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

12.3.1. Trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải lỗi của bên kia gây ra hoặc không thuộc trường hợp nêu tại khoản 12.2, thì bên chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

12.3.2. Nếu xảy ra một trong những trường hợp phải chấm dứt Hợp đồng, một bên có thể thông báo (bằng văn bản) cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng trước 07 ngày, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

12.3.3. Sớm nhất có thể sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng và không muộn hơn 15 ngày sau đó, Bên A và Bên B sẽ thảo luận và xác định giá trị khối lượng các công việc của Bên B đã thực hiện theo Hợp đồng (Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt). Việc thanh toán Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt, Hai Bên sẽ thỏa thuận bằng Biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 13. Bảo mật thông tin.

Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và sau khi kết thúc Hợp Đồng, Bên B không được tiết lộ bất cứ thông tin nào của Bên A có liên quan đến việc thực hiện các công việc theo Hợp Đồng này, công việc kinh doanh, các hoạt động nội bộ của Bên A và/hoặc toàn bộ thông tin khác mà Bên B được cung cấp và/hoặc biết được từ quá trình thực hiện Hợp Đồng này ("**Thông Tin Bảo Mật**") nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A. Bên B không được sử dụng bất kỳ Thông Tin Bảo Mật nào thuộc về hoặc/và liên quan đến Bên A và/hoặc Hợp Đồng này ngoài mục đích phục vụ cho việc thực hiện các công việc theo quy định Hợp Đồng, trừ khi có văn bản đồng ý trước của Bên A.

Điều 14. Thông báo

14.1. Thông báo của một Bên cho Bên kia sẽ được thể hiện bằng văn bản được ký bởi những người đại diện có thẩm quyền.

14.2. Trừ khi có quy định rõ ràng khác đi trong Hợp Đồng này, tất cả các thông báo và thông tin khác được đưa ra theo Hợp Đồng này phải lập thành văn bản và được gửi theo ít nhất một trong các hình thức sau: (i) đường bưu điện, (ii) giao tận tay, (iii) fax

(và bản gốc được gửi bằng đường bưu điện trong vòng hai (02) ngày làm việc sau đó) theo địa chỉ và/hoặc các thông tin khác được ghi cụ thể tại Hợp Đồng này.

14.3. Mọi thông báo và thông tin được coi là bên kia đã nhận được khi: (i) Nhận được vào thời điểm theo xác nhận của Bưu điện nếu gửi bằng bưu điện, (ii) giao cho người nhận nếu giao tận tay, (iii) như xác nhận của hệ thống về việc fax thành công nếu gửi bằng fax.

14.4. Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên kia bất kỳ thay đổi nào về địa chỉ, số điện thoại hoặc số fax tại từng thời điểm

Điều 15. Bảo hiểm.

Để tránh những rủi ro về trách nhiệm nghề nghiệp, Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Bất khả kháng.

16.1. Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết trước được, sự thay đổi chính sách hoặc những yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam phù hợp với qui định của pháp luật.

16.2. Trách nhiệm của các Bên trong trường hợp bất khả kháng:

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản về sự việc của trường hợp bất khả kháng xảy ra trong vòng 14 ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự bất khả kháng thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình, sự cố này sẽ phải được giải quyết càng sớm càng tốt với tất cả nỗ lực và sự khẩn trương cần thiết của cả Hai Bên.

Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục từ 02 tháng trở lên, phụ thuộc hoàn toàn vào quyết định của mình, Bên A có quyền (i) đơn phương chấm dứt việc thực hiện Hợp Đồng, hoặc (ii) thỏa thuận với Bên B kéo dài thời gian thực hiện Hợp Đồng

Điều 17. Vi phạm hợp đồng

17.1. Bên B vi phạm về thời hạn thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Bên A gây ra hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng thì Bên B sẽ bị phạt 2% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm thực hiện nhưng không quá 8% giá trị hợp đồng.

17.2. Nếu Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định trong hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B chịu phạt đến 8% giá trị hợp đồng, khắc phục vi phạm và bồi thường mọi thiệt hại thực tế gây ra cho Bên A.

Điều 18. Giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp có phát sinh tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng này

hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, Các Bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo.

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa Các Bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại thành phố Đà Nẵng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng có giá trị thực hiện. Án phí do Bên thua kiện thanh toán.

Điều 19. Bản quyền.



Bên B sẽ giữ bản quyền tất cả các bản vẽ thiết kế, bản tính, báo cáo. Bên A được sử dụng các bản vẽ thiết kế, bản tính, báo cáo phục vụ cho việc lập báo cáo và trình hội đồng thẩm định.



Điều 20. Điều khoản chung.

120.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này. Mọi thay đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này đều phải được thỏa thuận bằng văn bản có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền.

20.2. Hợp đồng này bao gồm 08 trang, và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản.

20.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A 

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Dương Chế Bằng

ĐẠI DIỆN BÊN B


PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS TS Đỗ Văn Bình

PHỤ LỤC 01
PHẠM VI VÀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

I. Phạm vi công việc:

Bên B thực hiện toàn bộ việc tư vấn và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM) cho Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự sinh thái cao cấp Ghềnh Đa – Mũi Nghê. Chi tiết các khu chức năng theo Quyết định số 2756/QĐ- UBND ngày 14/4/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Dự án Bayan Cliffs Resort Sơn Trà của Bên A kèm theo Hợp đồng này.

II. Nội dung công việc

I	Khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường
1	Khảo sát, lấy mẫu
2	Phân tích chất lượng môi trường
-	Phân tích chất lượng không khí
-	Phân tích chất lượng nước mặt
-	Phân tích chất lượng nước ngầm
-	Phân tích chất lượng đất
-	Các phân tích khác
-	Khảo sát vị trí, đo đặc tiếng ồn và các thông số vi khí hậu
II	Điều tra, khảo sát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội
III	Nghiên cứu, đánh giá theo chuyên đề
-	Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực dự án
-	Đánh giá hiện trạng môi trường dự án dựa trên kết quả đo đạc, khảo sát chất lượng môi trường nền (không khí, đất, nước, vi khí hậu)
-	Nghiên cứu, đánh giá rủi ro, sự cố môi trường xảy ra trong giai đoạn xây dựng dự án
-	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm thiểu lượng chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng dự án
-	Biện pháp chung trong quá trình thi công xây dựng, Biện pháp an toàn lao động, Biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường không khí, tiếng ồn
-	Biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường nước, Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn
-	Nghiên cứu, đánh giá tác động của các chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung,...) phát sinh từ hoạt động của dự án đến môi trường
-	Nghiên cứu, đánh giá rủi ro, sự cố môi trường xảy ra trong giai đoạn triển khai hoạt động của dự án
-	Đánh giá tác động của dự án đến hệ sinh thái
-	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm thiểu lượng

	chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của dự án
-	Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn: khí thải, mùi hôi, tiếng ồn, thông gió và cây xanh.
-	Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Phương án thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung
-	Biện pháp kiểm soát chất thải rắn: rác thải sinh hoạt, chất thải do các hoạt động của dự án gây ra
-	Đề xuất chương trình quan trắc, giám sát chất lượng môi trường cho dự án. Dự toán kinh phí thực hiện.
-	Chương trình quản lý môi trường
-	Chương trình giám sát môi trường
IV	Tổng hợp và biên soạn Báo cáo ĐTM
V	Thực hiện các thủ tục để cơ quan nhà nước thẩm định và phê duyệt Báo cáo ĐTM

ĐẠI DIỆN BÊN A



[Signature]
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Dương Thế Bằng

ĐẠI DIỆN BÊN B



[Signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS TS Đỗ Văn Bình